

KHUNG MA TRẬN VÀ KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ LỚP 12
NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo thông tư số 17/2025/TT-BDGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong
Chương trình GDPT 2018)

LỚP 12

1. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/Chủ đề	Bài/nội dung/đơn vị kiến thức	Năng lực và mức độ đánh giá						Tổng số câu			Tỷ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng sai						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CD 1: Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	Bài 1. Liên hợp quốc		1						1		2,5%
		Bài 2. Trật tự thế giới trong chiến tranh lạnh	1						1			2,5%
		Bài 3. Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh		1					1		2,5%	
2	CD 2: ASEAN:	Bài 4. Sự ra đời và phát triển	1						1			2,5%

	những chặng đường lịch sử	của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN										
		Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	1	1					1	1		5%
3	CD 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)	Bài 6. Cách mạng Tháng Tám năm 1945	1	1					1	1		5%
		Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954				1a	1b	1c,d	1a	1b	1c,1d	10%
		Bài 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	2	1	1	2a	2b	2c,d	2 + 2a	1 + 2b	1 + 2c,2d	20%
		Bài 9: Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay; Một số bài học lịch sử	2		2	3a	3b	3c,d	2 + 3a	3b	2 + 3c,3d	20%

4	CD 4: Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	Bài 10. Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay	2	2					2	2		10%
		Bài 11. Thành tựu cơ bản và Bài học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	2	1	1	4a	4b	4c,d	2 + 4a	1 + 4b	1 + 4c,4d	20%
Tổng số câu/lệnh hỏi			12	08	04	4 (a)	4(b)	8(c, d)	12+4(a)	8+4(b)	4+8(c,d)	28
Tổng số điểm			3,0	2,0	1,0	1,0	1,0	2,0	4,0	3,0	3,0	10,0
						4,0						
Tỷ lệ %			100						40	30	30	100

2. KHUNG BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/Chủ đề	Bài/nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi	
				Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	CD 1: Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	Bài 1. Liên hợp quốc	Thông hiểu: - Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài	1	

			chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân - Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội		
		Bài 2. Trật tự thế giới trong chiến tranh lạnh	Nhận biết: - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta	1	
		Bài 3. Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh	Thông hiểu: Phân tích được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.	1	
2	CD 2: ASEAN: những chặng đường lịch sử	Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN	Nhận biết: - Nêu được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).	1	
		Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	Nhận biết: - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Nêu được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.	1	
			Thông hiểu: Phân tích được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.	1	
3	CD 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chiến tranh giải phóng dân tộc	Bài 6. Cách mạng Tháng Tám năm 1945	Nhận biết: Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.	1	
			Thông hiểu:	1	

	và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)		- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Lí giải được vì sao thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam.		
		Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954	Nhận biết: Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.		1 ý
			Thông hiểu: - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân		1 ý
			Vận dụng: Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.		2 ý
		Bài 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	Nhận biết: - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	2	1 ý
			Thông hiểu: - Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	1	1 ý
			Vận dụng: - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu	1	

			về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Rút ra được bài học kinh nghiệm quý báu vận dụng vào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Rút ra được đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Mỹ. - Liên hệ được với thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở địa phương.		2 ý
		Bài 9: Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay; Một số bài học lịch sử	Nhận biết: - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. - Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.	2	1 ý
			Thông hiểu: - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của: cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến đầu những năm 80 của thế kỉ XX), cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay. - Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.		1 ý

			Vận dụng: - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. - Rút ra được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Rút ra được bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.	2	2 ý
4	CD 4: Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	Bài 10. Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay	Nhận biết: Nêu được bối cảnh, nội dung đường lối Đổi mới qua các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước của Đảng từ năm 1986 đến nay.	2	
			Thông hiểu: Phân tích được những nội dung chính về đường lối đổi mới qua các giai đoạn trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.	2	
		Bài 11. Thành tựu cơ bản và Bài học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	Nhận biết: Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.	2	1 ý
			Thông hiểu: Trình bày được những thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.	1	1 ý
			Vận dụng:	1	2 ý

			Từ bài học kinh nghiệm được rút ra từ công cuộc đổi mới đất nước 1986, liên hệ đến thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước hiện nay		
Số câu				24	4
Tỉ lệ %				60	40
Số điểm				6,0	4,0

3. ĐỀ KIỂM TRA

Dạng thức 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (*Thí sinh trả lời từ Câu 1 đến Câu 24. Mỗi Câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án*)

Câu 1. Để góp phần chấm dứt các cuộc xung đột đang diễn ra, Liên hợp quốc đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Thực hiện nhiệm vụ cứu trợ lương thực.
- B. Triển khai lực lượng gìn giữ hòa bình.
- C. Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ y tế.
- D. Tái thiết cơ sở hạ tầng sau chiến tranh.

Câu 2. Một trong những nguyên nhân dẫn đến ý tưởng thành lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hòa bình thế giới là:

- A. những hậu quả tàn khốc của chiến tranh gây ra.
- B. những thắng lợi trên chiến trường của phe phát xít.
- C. nhu cầu hợp tác về quân sự của các cường quốc.
- D. nỗ lực ngoại giao giữa các nước lớn với nhau.

Câu 3. Mục tiêu nào sau đây của Liên hợp quốc được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác?

- A. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- B. Tôn trọng quyền tự quyết dân tộc.
- C. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- D. Hợp tác quốc tế để đảm bảo quyền con người.

Câu 4. Một trong số các nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương là gì?

- A. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản và công bằng xã hội.
- B. Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên.
- C. Tuân thủ các mục tiêu và nguyên tắc đề ra trong Hiến chương.
- D. Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây đã mở ra bước ngoặt trong chính sách “đa phương hóa”, “đa dạng hóa” quan hệ đối ngoại của Việt Nam?

- A. Việt Nam tham gia tổ chức WTO (2007).
- B. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (1977).
- C. Việt Nam gia nhập ASEAN (1995).
- D. Việt Nam tham gia tổ chức SEV (1978).

Câu 6. Xu hướng phát triển của thế giới mới sau khi Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ là gì?

- A. Tồn tại một cực duy nhất là Mỹ.
- B. Phân chia ảnh hưởng giữa các châu lục.
- C. Tăng cường liên minh quân sự giữa các nước.
- D. Hình thành thế giới đa cực, đa quốc gia.

Câu 7. Hội nghị quốc tế nào sau đây diễn ra năm 1945 tạo cơ sở cho việc thiết lập Trật tự thế giới mới sau khi chiến tranh kết thúc?

- A. Hội nghị Berlin.
- B. Hội nghị I-an-ta.
- C. Hội Nghị Bretton Woods.
- D. Hội nghị Giơnevơ.

Câu 8. Năm 1945, Hội nghị I-an-ta (Liên Xô) đã đưa ra quyết định nào sau đây?

- A. Tiêu diệt tận gốc phát xít Đức.
- B. Thông qua bản *Tuyên ngôn Nhân quyền*.
- C. Thông qua *Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân*.
- D. Thỏa hiệp với Phe Trục chấm dứt chiến tranh.

Câu 9. Theo thỏa thuận của hội nghị I-an-ta (2 – 1945), quân đội nước nào sẽ chiếm đóng miền Nam Triều Tiên?

- A. Quân đội Anh.
- B. Quân đội Mỹ.
- C. Quân đội Pháp.
- D. Quân đội Liên Xô

Câu 10. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ có đặc điểm là:

- A. hợp tác bền vững, phát triển toàn diện.
- B. tăng cường đối đầu, chiến tranh trực tiếp.

C. bắt đầu đối thoại, giảm căng thẳng.

D. liên minh quân sự, hợp tác kinh tế.

Câu 11. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, các quốc gia đều tập trung phát triển kinh tế nhằm mục đích nào sau đây?

A. Tăng cường sức mạnh, tiềm lực quốc gia.

B. Chuẩn bị cách mạng khoa học, kỹ thuật.

C. Chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh.

D. Tạo bước đột phá về văn hóa, giáo dục.

Câu 12. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về đường lối đổi mới kinh tế được đề ra trong đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 gì?

A. Ưu tiên đầu tư và phát triển công nghiệp quân sự.

B. Xây dựng kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

C. Phát triển nhanh chóng công thương nghiệp tư bản tư nhân.

D. Hoàn thiện cơ sở vật chất – kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội.

Câu 13. Một trong những thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay là:

A. trở thành nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

B. trở thành trung tâm kinh tế mới của thế giới.

C. có trình độ khoa học – kỹ thuật cao nhất thế giới.

D. có kim ngạch xuất khẩu cao nhất thế giới.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay?

A. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

B. Gắn phát triển kinh tế với hoạt động quan hệ ngoại giao.

C. Sức mạnh quân sự gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

D. Khoa học kỹ thuật gắn với hoạt động quan hệ đối nội.

Câu 15. Một trong những nguyên nhân dẫn đến xu thế toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ từ những năm 90 của thế kỷ XX là:

A. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ thúc đẩy.

B. các liên minh quân sự mới được hình thành.

C. tình hình chính trị bất ổn ở các nước.

D. sự bất bình đẳng trong xã hội ngày càng tăng.

Câu 16. Nước nào sau đây đã tham gia sáng lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á năm 1967?

- A. Thái Lan.
- B. Việt Nam.
- C. Campuchia.
- D. Myanmar.

Câu 17. Năm 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á chính thức thành lập và thông qua văn kiện nào sau đây?

- A. Tuyên bố ASEAN.
- B. Tuyên bố ứng xử Biển Đông.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Tuyên ngôn Nhân quyền.

Câu 18. Những quốc gia nào sau đây là thành viên sáng lập của tổ chức ASEAN?

- A. Thái Lan, Việt Nam, Lào, Singapore, Campuchia.
- B. Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan.
- C. Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Lào.
- D. Indonesia, Việt Nam, Singapore, Brunei, Thái Lan.

Câu 19. Năm 1995, quốc gia nào sau đây gia nhập tổ chức ASEAN và trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức?

- A. Thái Lan.
- B. Việt Nam.
- C. Campuchia.
- D. Singapo.

Câu 20. Năm 1999, quốc gia nào sau đây gia nhập ASEAN 10 đánh dấu quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10?

- A. Myanmar.
- B. Thái Lan.
- C. Indonesia.
- D. Campuchia.

Câu 21. Tổ chức ASEAN đã mở rộng thành viên từ 5 nước lên 10 nước nhằm xây dựng một cộng đồng chung cho khu vực nào sau đây?

- A. Đông Á.

- B. Đông Nam Á.
- C. Nam Á.
- D. Châu Á.

Câu 22. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 được tổ chức ở đâu?

- A. Bangkok.
- B. Jakarta.
- C. Hà Nội.
- D. Manila.

Câu 23. Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN nhằm đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á là gì?

- A. Có chung thể chế chính trị, quốc phòng.
- B. Phát triển kinh tế, hòa tan văn hóa.
- C. Gắn kết, hữu nghị và hợp tác.
- D. Có đồng tiền chung, ngân hàng chung.

Câu 24. Theo mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN thì Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm bao nhiêu trụ cột chính?

- A. Hai trụ cột chính.
- B. Ba trụ cột chính.
- C. Bốn trụ cột chính.
- D. Năm trụ cột chính.

Câu 25. Một trong những thách thức từ bên ngoài đối với ASEAN là:

- A. mâu thuẫn chính trị nội khối.
- B. những biến đổi về khí hậu.
- C. sự cạnh tranh xuất khẩu nội bộ.
- D. chênh lệch về trình độ phát triển.

Câu 26. Hiện nay, ASEAN có vị thế như thế nào trên thế giới?

- A. Là tổ chức Kém phát triển nhất.
- B. Là tổ chức đang được hình thành.
- C. Một trong những khu vực năng động nhất.

D. Khu vực phụ thuộc vào các nước lớn.

Câu 27. Việc bổ sung nội dung chuyển đổi số trong Tầm nhìn ASEAN nhằm mục đích nào sau đây?

A. Tăng tính hiện đại hóa kinh tế trong khu vực.

B. Hạn chế cạnh tranh quốc tế của các nước.

C. Tăng cường năng lực quốc phòng khu vực.

D. Phát triển nông nghiệp phi truyền thống.

Câu 28. Nguyên nhân nào sau đây thúc đẩy ASEAN phải định hướng phát triển mới sau năm 2015?

A. Đề đối phó với biến đổi khí hậu phạm vi toàn cầu.

B. Để làm sâu sắc hơn hợp tác giữa các nước thành viên

C. Để giảm phụ thuộc vào các nước lớn trên thế giới.

D. Để thúc đẩy quân sự trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 29. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 nhấn mạnh nội dung nào trong Tầm nhìn sau năm 2025?

A. Giảm chi phí sản xuất trong nội khối.

B. Tăng cường hợp tác trên cả ba trụ cột.

C. Hạn chế sự phát triển kinh tế xanh.

D. Tăng cường quan hệ với các nước lớn.

Câu 30. Tại sao sự chênh lệch về trình độ phát triển là một thách thức nội khối của ASEAN?

A. Gây khó khăn trong hợp tác và hội nhập.

B. Làm tăng chi phí sản xuất chung.

C. Làm giảm sự gắn kết về chính trị.

D. Gây xung đột quân sự giữa các nước.

Câu 31. Để vượt qua những thách thức từ bên ngoài, ASEAN cần phải thực hiện chính sách gì?

A. Tăng tốc triển khai các kế hoạch chung.

B. Tập trung phát triển văn hóa truyền thống.

C. Giảm hợp tác với các đối tác ngoài khu vực.

D. Hạn chế hội nhập với kinh tế thế giới.

Câu 32. Sau khi được thành lập, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã ban bố “Quân lệnh số 1” nhằm mục đích nào sau đây?

A. Phát động cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- B. Tăng cường chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài.
- C. Kêu gọi nhân dân biểu tình phản đối phát xít Nhật.
- D. Tổ chức Đại hội Quốc dân để thành lập chính quyền.

Câu 33. Từ 17/7/1945 đến 2/8/1945, đánh dấu sự kiện quốc tế nào đã diễn ra?

- A. Hội nghị Pôt-xđam (Đức).
- B. Hội nghị Gio-ne-ver (Pháp).
- C. Hội nghị San Francisco (Mỹ).
- D. Hội nghị Paris (Pháp).

Câu 34. Hội nghị Pôt-xđam (1945) đã quyết định việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương giao cho lực lượng nào ở phía Nam vĩ tuyến 16?

- A. Quân Mỹ.
- B. Quân Anh.
- C. Quân Pháp.
- D. Quân Xô Viết.

Câu 35. Ngày 16/8/1945 và 17/8/1945 ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. Đại hội II của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C. Đại hội Quốc dân tại Tân Trào diễn ra.
- D. Bầu cử Quốc hội khóa II của Việt Nam.

Câu 36. Sau khi Nhật tiến vào Đông Dương, chúng đã thành lập tổ chức nào sau đây làm tai sai?

- A. Chính phủ Trần Trọng Kim.
- B. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.
- C. Chính quyền Ngô Đình Diệm.
- D. Chính phủ Tưởng Giới Thạch

Câu 37. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với Việt Nam?

- A. Đưa nhân dân lao động lên làm chủ đất nước.
- B. Đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc.

- C. Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- D. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 38. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với thế giới?

- A. Góp phần vào thắng lợi của quân Đồng minh chống phát xít.
- B. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của thực dân.
- C. Xóa bỏ được thân phận nô lệ của nhân dân Việt Nam.
- D. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 39. Ý nào dưới đây là một trong những kết quả nổi bật của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Xóa bỏ chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa.
- B. Chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm.
- C. Đưa Việt Nam trở thành cường quốc châu Á.
- D. Giành lại toàn bộ chủ quyền biển đảo.

Câu 40. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thay đổi vai trò như thế nào?

- A. Từ một tổ chức Cách mạng trở thành tổ chức quốc tế.
- B. Từ một đảng cầm quyền trở thành đảng lập hiến.
- C. Từ một đảng bí mật trở thành đảng cầm quyền.
- D. Từ một phong trào dân tộc trở thành phong trào quốc tế.

Câu 41. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Củng cố mối quan hệ Việt Nam – Liên Xô từ sau năm 1945.
- B. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.
- C. Hình thành các tổ chức quốc tế chống phát xít trong khu vực.
- D. Chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Câu 42. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (1/1959), cách mạng miền Nam Việt Nam phải thực hiện theo con đường nào sau đây?

- A. Đấu tranh hòa bình.
- B. Đấu tranh nghị trường.

C. Bạo lực cách mạng.

D. Biểu tình thị uy.

Câu 43. Khẩu hiệu nào sau đây được thực hiện trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam sau năm 1954?

A. "Tất cả vì miền Nam ruột thịt".

B. "Ruộng đất về tay nhân dân".

C. "Đoàn kết toàn dân".

D. "Người cày có ruộng".

Câu 44. Năm 1959 – 1960, Phong trào cách mạng nào sau đây diễn ra ở miền Nam Việt Nam?

A. Phong trào Đồng Khởi.

B. Phong trào Đông Du.

C. Phong trào cải cách.

D. Phong trào bạo động.

Câu 45. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) của quân và dân miền Nam Việt Nam đã giáng đòn nặng nề vào chính sách nào sau đây của Mỹ?

A. Chính sách kinh tế.

B. Chính sách thực dân mới.

C. Chính sách cai trị thực dân cũ.

D. Chính sách ngoại giao.

Câu 46. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Dùng hải quân tấn công lực lượng cách mạng.

B. Mở các chiến dịch bình định lấn chiếm.

C. Dùng người Việt đánh người Việt.

D. Đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 47. Chiến dịch nào sau đây của ta đã mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975?

A. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Chiến dịch Phước Long.

Câu 48. Thắng lợi quân sự nào sau đây của ta đã chứng minh khả năng đánh bại chiến thuật "trục thẳng vận, thiết xa vận" của Mỹ?

A. Chiến thắng Ba Gia.

B. Chiến thắng An Lão.

C. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 49. Một trong những thắng lợi của quân và dân miền Nam Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là:

A. chiến thắng Ấp Bắc.

B. chiến thắng Đồng Xoài.

C. chiến thắng Bến Tre.

D. chiến thắng Vạn Tường.

Câu 50. Thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, ta đã chọn địa bàn nào sau đây làm trọng tâm?

A. Nông thôn miền Nam.

B. Các khu vực biên giới.

C. Các đô thị miền Nam.

D. Miền Tây Nam Bộ.

Câu 51. Trong giai đoạn từ 1969 – 1973, Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào sau đây ở miền Nam Việt Nam?

A. “Chiến tranh cục bộ”.

B. “Chiến tranh đặc biệt”.

C. “Chiến tranh đơn phương”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 52. Trước hành động phá hoại Hiệp định Paris của chính quyền Sài Gòn, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) đã nhấn mạnh nhiệm vụ nào sau đây?

A. Tăng cường đấu tranh ngoại giao và quân sự.

B. Phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng.

C. Duy trì hòa bình thông qua đàm phán.

D. Chỉ tập trung vào chiến lược quân sự.

Câu 53. Sự kiện nào sau đây ở Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ xâm lược được coi là trận "Điện Biên Phủ trên không"?

A. Thắng lợi trong chiến dịch 81 ngày đêm ở thành cổ Quảng Trị.

B. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương Việt – Miên – Lào.

D. Chiến dịch Đường 9 – Nam Lào kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Câu 54. Ý nào sau đây phản ánh **đúng** nội dung của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969 – 1973) ở miền Nam Việt Nam?

A. Loại hình chiến tranh xâm lược trực tiếp do quân Mỹ chỉ huy và thực hiện.

B. Chiến lược do quân đội Sài Gòn tiến hành, có sự hỗ trợ của Mỹ về hỏa lực.

C. Một kế hoạch tái thiết kinh tế sau chiến tranh của chính quyền Sài Gòn và Mỹ.

D. Một chiến dịch quân sự lớn của Mỹ nhằm đánh bại quân dân miền Nam Việt Nam.

Câu 55. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia được tổ chức nhằm mục đích gì?

A. Biểu thị quyết tâm chống Mỹ của nhân dân ba nước.

B. Thống nhất lực lượng chống Pháp quay trở lại xâm lược.

C. Lên kế hoạch xây dựng Đông Dương sau chiến tranh.

D. Đàm phán với Mỹ để lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Câu 56. Trong thời kỳ chống Mỹ, miền Bắc đã sử dụng những con đường nào để chi viện cho miền Nam?

A. Đường Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh trên biển.

B. Đường Trường Sơn, đường bộ quốc tế.

C. Đường hàng không quốc tế, đường biển.

D. Đường Hồ Chí Minh trên bộ và đường bộ quốc tế.

Câu 57. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa của thắng lợi chiến dịch Đường 9 – Nam Lào (1971)?

A. Khôi phục kinh tế miền Bắc sau chiến tranh.

B. Bảo vệ hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

C. Chọc thủng phòng tuyến của địch ở Đông Nam Bộ.

D. Đánh bại hoàn toàn quân đội Mỹ tại Việt Nam.

Câu 58. Hiệp định Paris năm 1973 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Mỹ phải rút quân và ngừng phá hoại hiệp định đã ký kết.
- B. Tạo thế cân bằng về lực lượng và phương tiện chiến tranh.
- C. Mỹ phải rút hết quân về nước, tạo lợi thế cho cách mạng Việt Nam.
- D. Chính quyền Sài Gòn buộc phải đàm phán và thực hiện Hiệp định Paris

Câu 59. Sau Hiệp định Paris, miền Bắc tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm nào sau đây?

- A. Khôi phục kinh tế và chi viện cho miền Nam.
- B. Tiến hành Tổng tiến công trên toàn miền Nam.
- C. Khôi phục kinh tế và công nghiệp hóa đất nước.
- D. Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình và trung lập.

Câu 60. Dưới sự chỉ huy của cố vấn quân sự Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã có hành động gì sau Hiệp định Paris?

- A. Chấp hành nghiêm túc Hiệp định.
- B. Giảm viện trợ quân sự từ Mỹ.
- C. Tiến hành các cuộc đàm phán hòa bình.
- D. Ngang nhiên phá hoại Hiệp định Paris.

Câu 61. Trước hành động phá hoại Hiệp định Paris của chính quyền Sài Gòn, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7 – 1973) đã nhấn mạnh điều gì?

- A. Tăng cường đấu tranh ngoại giao và quân sự.
- B. Phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng.
- C. Duy trì hòa bình thông qua đàm phán.
- D. Chỉ tập trung vào chiến lược quân sự.

Câu 62. Nghệ thuật “Chiến tranh nhân dân” trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) có thể vận dụng như thế nào vào bảo vệ Tổ quốc ngày nay?

- A. Tăng cường quân sự để đối phó với các mối đe dọa lớn.
- B. Tập trung vào đấu tranh quân sự và giảm nhẹ ngoại giao.
- C. Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân trong mọi lĩnh vực.
- D. Hạn chế sự tham gia của lực lượng lao động trong quốc phòng.

Câu 63. Mệnh lệnh "Thần tốc, thần tốc hơn nữa; táo bạo, táo bạo hơn nữa..." của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong tháng 4 – 1975 nhấn mạnh yêu cầu nào?

- A. Tập trung toàn lực tấn công nhanh và quyết liệt.
- B. Tích cực củng cố hậu phương vững chắc.
- C. Đàm phán hòa bình để giảm thương vong.
- D. Kêu gọi sự viện trợ của quốc tế cho miền Nam.

Câu 64. Sự kiện lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập vào ngày 30 – 4 – 1975 báo hiệu điều gì của cách mạng Việt Nam?

- A. Sự kiện thống nhất hai miền Nam – Bắc ngay lập tức.
- B. Chính quyền Sài Gòn chấp nhận hòa giải dân tộc.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng.
- D. Sự rút quân hoàn toàn của Mỹ khỏi Việt Nam.

Câu 65. Yếu tố nào sau đây khiến Mỹ **không** thể can thiệp quân sự trở lại trong giai đoạn 1973 – 1975 ở Việt Nam?

- A. Sức mạnh quân sự của miền Nam Việt Nam vượt trội hơn so với Mỹ.
- B. Sự suy yếu về kinh tế và chính trị của Mỹ sau Chiến tranh Việt Nam.
- C. Sự phản đối mạnh mẽ của các nước láng giềng và các nước đồng minh.
- D. Áp lực từ các tổ chức quốc tế nhất là sự chia rẽ nội bộ từ nước Mỹ.

Câu 66. Việc khắc phục hậu quả chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam sau Hiệp định Paris có tác động như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

- A. Làm giảm áp lực quân sự từ Mỹ lên miền Nam Việt Nam.
- B. Tăng cường sức mạnh tổng hợp để hỗ trợ chiến trường miền Nam.
- C. Tạo điều kiện cho miền Bắc độc lập hoàn toàn về kinh tế.

Câu 67. Mối quan hệ giữa Việt Nam, Trung Quốc và Campuchia nảy sinh vấn đề nào sau năm 1975?

- A. Hợp tác chặt chẽ với nhau.
- B. Bắt đầu rạn nứt và mâu thuẫn.
- C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- D. Tăng cường liên minh quân sự.

Câu 68. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** tính thù địch của Mỹ đối với Việt Nam sau năm 1975?

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp.
- B. Thiếu nguồn lực để tái thiết đất nước.
- C. Đất nước bị bao vây và cấm vận.
- D. Các mâu thuẫn nội bộ gia tăng.

Câu 69. Vấn đề phức tạp nào xuất hiện trong quan hệ giữa Việt Nam, Trung Quốc và Campuchia sau năm 1975?

- A. Các vấn đề về biên giới và chủ quyền.
- B. Hợp tác kinh tế và khoa học – công nghệ.
- C. Việc thành lập các tổ chức quốc tế mới.
- D. Các cuộc xung đột quân sự, tôn giáo.

Câu 70. Quân đội nào sau đây đã tiến hành xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam sau năm 1975?

- A. Quân đội Mỹ.
- B. Quân đội Trung Quốc.
- C. Quân Pôn Pốt
- D. Quân đội Lào.

Câu 71. Ngày 17 – 2 – 1979, đánh dấu sự kiện gì trong quan hệ Việt – Trung?

- A. Chiến tranh biên giới diễn ra.
- B. Đóng cửa biên giới hai nước.
- C. Ký hiệp định Bắc Kinh.
- D. Khai thông biên giới hai nước.

Câu 72. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 thắng lợi đã khẳng định yếu tố nào sau đây của nhân dân Việt Nam?

- A. Sự phát triển kinh tế.
- B. Ý chí độc lập, tự chủ.
- C. Chủ quyền lãnh thổ.
- D. Sức mạnh quân sự.

Câu 73. Việc Trung Quốc cho quân khiêu khích, xâm phạm ở khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam (1975) chứng tỏ điều gì?

- A. Mỹ luôn ủng hộ Trung Quốc xâm lược Việt Nam.
- B. Trung Quốc đã cho quân đánh chiếm nước ta.

- C. Quan hệ Việt – Trung trở nên căng thẳng.
- D. Cuộc chiến giữa các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu.

Câu 74. Những hành động mà Trung Quốc thực hiện làm căng thẳng thêm quan hệ với Việt Nam từ năm 1975 là:

- A. cấm vận kinh tế, lũng đoạn về chính trị xã hội.
- B. đơn phương chấm dứt viện trợ, khiêu khích biên giới.
- C. tập trận ở biên giới và xâm nhập lãnh thổ Việt Nam.
- D. tuyên bố chiến tranh với Việt Nam và Lào.

Câu 75. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** nguyên nhân khách quan tác động buộc Trung Quốc phải rút quân trong chiến tranh biên giới với Việt Nam năm 1979?

- A. Cuộc phản công của quân dân Việt Nam.
- B. Sự phản đối mạnh mẽ của dư luận quốc tế.
- C. Mỹ và các nước phương Tây phản đối.
- D. Thực hiện theo nghị quyết của Liên hợp quốc.

Câu 76. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** nguyên nhân cơ bản buộc Trung Quốc phải rút quân trong chiến tranh biên giới với Việt Nam năm 1979?

- A. Cuộc phản công của quân dân Việt Nam.
- B. Sự phản đối mạnh mẽ của dư luận quốc tế.
- C. Mỹ và các nước phương Tây phản đối.
- D. Thực hiện theo nghị quyết của Liên hợp quốc.

Câu 77. Nội dung nào dưới đây **không** phải là bài học lịch sử được rút ra các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975 của nhân dân Việt Nam?

- A. Tinh thần yêu nước là yếu tố quyết định thắng lợi.
- B. Sự đoàn kết dân tộc là chìa khóa chiến thắng mọi kẻ thù.
- C. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân là phương thức bảo vệ đất nước.
- D. Lực lượng quân đội là yếu tố duy nhất giúp chiến thắng.

Câu 78. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa quốc tế từ thắng lợi của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1945 của nhân dân Việt Nam?

- A. Góp phần phát triển thương mại quốc tế.

- B. Góp phần Bảo vệ hòa bình và ổn định khu vực.
- C. Đưa Việt Nam thành cường quốc quân sự.
- D. Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp toàn cầu.

Câu 79. Ý nghĩa lịch sử to lớn trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 của nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Giúp Việt Nam trở thành nước phát triển và hùng cường.
- B. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa và cuộc sống nhân dân.
- C. Đẩy mạnh quan hệ ngoại giao khu vực châu Á và trên thế giới.
- D. Đưa đất nước trở thành cường quốc về kinh tế và quân sự.

Câu 80. Một trong những tác động của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 của nhân dân Việt Nam đến khu vực châu Á là:

- A. góp phần bảo vệ hòa bình và ổn định.
- B. tăng cường đối đầu và xung đột khu vực.
- C. thúc đẩy hợp tác và liên minh quân sự.
- D. làm sứt mẻ và suy yếu quan hệ hợp tác quốc tế.

Câu 81. Tại sao cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc lại được xem là để lại những bài học kinh nghiệm quý giá?

- A. Vì đã giúp Việt Nam phát triển nhanh chóng trở thành cường quốc.
- B. Vì đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.
- C. Vì giảm thiểu nguy cơ thiên tai và tình trạng đói nghèo của nhân dân.
- D. Vì tạo điều kiện để mở rộng lãnh thổ và liên minh quân sự khu vực.

Câu 82. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1945 đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nào sau đây của Việt Nam?

- A. Phát triển du lịch biển.
- B. Xây dựng đất nước.
- C. Cải cách giáo dục toàn diện.
- D. Thúc đẩy công nghiệp hóa.

Câu 83. Ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1945 đối với nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Bảo vệ cuộc sống nhân dân.
- B. Xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại.

C. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

D. Cải cách hệ thống chính trị.

Câu 84. Tinh thần đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam đã khẳng định điều gì?

A. Sự phụ thuộc và hỗ trợ của các nước lớn.

B. Ý chí độc lập và tự chủ của dân tộc Việt Nam.

C. Sự đối đầu và xung đột giữa các nước láng giềng.

D. Quyền tự do và tự trị của các dân tộc thiểu số.

Câu 85. Về lĩnh vực kinh tế, Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế nào sau đây trong giai đoạn từ 2006 đến nay?

A. Kinh tế tư bản chủ nghĩa tự do cạnh tranh.

B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường tự do.

D. Kinh tế thương nghiệp ở mức độ khu vực.

Câu 86. Theo nội dung Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, yếu tố nào sau đây được coi là quốc sách hàng đầu?

A. Giáo dục và đào tạo.

B. An ninh quốc phòng.

C. Phát triển công nghiệp.

D. Nâng cao năng suất lao động.

Câu 87. Để phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam đã chú trọng vào yếu tố nào sau đây về văn hóa trong giai đoạn 1996 – 2006?

A. Xây dựng các khu công nghiệp vui chơi.

B. Phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

C. Cải cách các chính sách tôn giáo và dân tộc.

D. Tăng cường khôi phục các phong tục tập quán.

Câu 88. Năm 1986 đã đánh dấu thời kì nào sau đây ở Việt Nam?

A. Công cuộc đổi mới đất nước.

B. Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi.

C. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

D. Cách mạng tháng Tám thành công.

Câu 89. Năm 1986, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước xuất phát từ yêu cầu nào sau đây?

A. Cải thiện đời sống người dân, phát triển công nghệ.

B. Đảm bảo an ninh quốc gia và ảnh hưởng khu vực.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển đất nước.

D. Mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác toàn diện

Câu 90. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** mục tiêu của Việt Nam trong chính sách đối ngoại ở giai đoạn 1986 – 1995?

A. Chỉ tập trung vào các nước lớn và các nước láng giềng.

B. Phát triển quan hệ đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa.

C. Xây dựng các liên minh quân sự khu vực và quốc tế.

D. Tạo ra chính sách ngoại giao độc lập, tách biệt với khu vực.

Câu 91. Mục đích của việc Đổi mới kinh tế gắn liền với Đổi mới chính trị và xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra tại Đại hội VI là gì?

A. Đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho đất nước.

B. Tập trung vào phát triển kinh tế và kiểm soát xã hội.

C. Cải tổ hệ thống chính trị gắn liền với công nghiệp hóa.

D. Giảm thiểu ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến nền kinh tế.

Câu 92. Giai đoạn 1996 – 2006, Việt Nam tiếp tục phát triển loại hình kinh tế nào sau đây?

A. Kinh tế kế hoạch hóa thị trường tập trung.

B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Kinh tế nông nghiệp trang trại tư nhân.

D. Kinh tế công nghiệp nặng tư bản chủ nghĩa.

Câu 93. Giai đoạn 1996 – 2006, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định vai trò của văn hóa là gì?

A. Động lực thúc đẩy và phát triển kinh tế.

B. Kinh tế tinh thần, nguồn lực phát triển.

C. Mục tiêu và động lực của xã hội.

D. Di sản, cơ sở cho sự phát triển công nghiệp.

Câu 94. Mục tiêu chính của việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn 1996 – 2006 ở Việt Nam là gì?

- A. Phát triển nông nghiệp theo cơ chế thị trường.
- B. Xây dựng nền kinh tế mở và hội nhập khu vực.
- C. Tạo ra một nền kinh tế công nghiệp hiện đại.
- D. Xây dựng nền quốc phòng vững mạnh.

Câu 95. Trong giai đoạn 1996 – 2006, Việt Nam đã đặt trọng tâm vào chính sách nào để thúc đẩy sự phát triển của đất nước?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.
- B. Xây dựng nền kinh tế tự do cạnh tranh.
- C. Tăng cường xây dựng các khu công nghiệp.
- D. Cải cách hệ thống tài chính đất nước.

Câu 96. Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối nào sau đây?

- A. Tập trung vào phát triển nông nghiệp toàn diện.
- B. Xây dựng nền kinh tế công nghiệp nặng.
- C. Đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước.
- D. Cải cách chính trị và hệ thống tư pháp.

Câu 97. Nội dung nào sau đây **đúng** khi nói đến mục đích cốt lõi của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay?

- A. Phát triển kinh tế thị trường.
- B. Đáp ứng lợi ích của nhân dân.
- C. Mở rộng quan hệ quốc tế.
- D. Tăng cường quốc phòng.

Câu 98. Bài học quan trọng đầu tiên được rút ra từ công cuộc Đổi mới ở đất nước ở Việt Nam năm 1986 là gì?

- A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- B. Tập trung vào phát triển kinh tế và sức mạnh quân sự.
- C. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và tiến bộ.
- D. Cải cách giáo dục toàn diện và hội nhập quốc tế.

Câu 99. Nguyên tắc nào trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (1986) được vận dụng nhằm tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thời đại mới hiện nay?

- A. "Dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".
- B. "Dân cần, dân biết, dân góp ý".
- C. "Dân thân, dân phục vụ, dân kiểm tra".
- D. "Dân cần, dân làm, dân chỉ đạo".

Câu 100. Thực hiện đường lối đổi mới kinh tế đã giúp Việt Nam đạt được thành tựu gì trong giai đoạn đầu?

- A. Tăng trưởng dịch vụ công, giảm nghèo đói.
- B. Thúc đẩy công nghiệp nặng và dịch vụ.
- C. Ổn định kinh tế và phát triển hạ tầng cơ bản.
- D. Mở rộng hợp tác quốc tế, tăng trưởng đầu tư.

Câu 101. Trong giai đoạn Đổi mới đất nước từ 1986, Đảng đã chú trọng về giáo dục và xem đó là:

- A. mục tiêu duy nhất của cải cách chính trị.
- B. lĩnh vực ưu tiên thứ hai sau kinh tế.
- C. quốc sách hàng đầu để phát triển bền vững.
- D. giải pháp tạm thời để cải thiện đời sống.

Câu 102. Thành tựu nào sau đây phản ánh rõ nét sự đổi mới trong văn hóa ở Việt Nam từ năm 1986?

- A. Đẩy mạnh hợp tác văn hóa quốc tế toàn diện.
- B. Bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.
- C. Phát triển dịch vụ du lịch và bảo vệ môi trường.
- D. Nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Câu 103. Trong lĩnh vực quốc phòng, Việt Nam đã làm gì để tăng cường hội nhập quốc tế trong thời kì đổi mới?

- A. Mở rộng hợp tác quốc phòng song phương và đa phương.
- B. Tăng cường đầu tư vào các ngành công nghiệp quốc phòng.
- C. Chuyển đổi mô hình quản lý quốc phòng từ tập trung sang phân cấp.
- D. Hợp tác chủ yếu với các nước láng giềng trong khu vực.

Câu 104. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** những lĩnh vực mà Việt Nam chú trọng trong đổi mới đất nước giai đoạn 1986 – 1995?

- A. Kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội.
- B. Quân sự, quốc phòng và an ninh nội địa.

C. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ.

D. Giáo dục, du lịch và xuất khẩu lao động.

Câu 105. Một trong những thành quả đạt được về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1986 – 2022 là:

A. tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

B. chuyển từ ngành công nghiệp sang dịch vụ.

C. tăng tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản.

D. hạn chế phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.

Câu 106. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** mục tiêu chính của Việt Nam trong phát triển văn hóa từ 2006 đến nay?

A. Phát triển con người toàn diện, xây dựng nền văn hóa tiên tiến.

B. Tăng cường văn hóa quốc tế và hội nhập với thế giới.

C. Tập trung vào bảo tồn các giá trị văn hóa cổ truyền.

D. Giảm thiểu sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây.

Câu 107. Quan điểm "dân là gốc" được thể hiện trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam như thế nào?

A. Dân được tham gia vào quá trình quyết định và giám sát.

B. Dân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quyết định của chính phủ.

C. Dân chỉ đóng vai trò thụ động trong các vấn đề xã hội.

D. Dân được quyền bầu chọn các quan chức chính phủ.

Câu 108. Tại sao việc kết hợp sức mạnh dân tộc với thời đại lại quan trọng trong công cuộc Đổi mới đất nước?

A. Nó giúp tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước.

B. Nó giúp duy trì nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

C. Nó giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.

D. Nó giúp duy trì ổn định chính trị và phát triển giáo dục.

Dạng thức 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (*Thí sinh trả lời từ Câu 1 đến Câu 4. Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai*)

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Cuộc chiến đấu bảo vệ Sài Gòn kéo dài hơn một tháng. Quân và dân Sài Gòn đã kim chân địch, làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu của Sài Gòn tạo điều kiện để các tỉnh Nam Bộ có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến.

Trong điều kiện chiến đấu không cân sức, để bảo toàn lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, các lực lượng vũ trang của ta buộc phải rút ra ngoài.”

(Nguyễn Văn Thuật (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 11, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, Tr.42)

- A. Cuộc chiến đấu bảo vệ Sài Gòn kéo dài hơn một tháng, quân và dân Sài Gòn đã đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp.
- B. Cuộc chiến đấu này làm thất bại bước đầu âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- C. Cuộc chiến đấu đã tạo điều kiện cho các tỉnh Nam Bộ có thêm thời gian chuẩn bị để tiến hành chiến tranh tổng lực với Pháp.
- D. Để bảo toàn lực lượng và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ, các lực lượng vũ trang của ta phải rút ra ngoài trong điều kiện chiến đấu không cân sức.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

"Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình.

Ngày mai dân ta sẽ tỏ cho các chiến sĩ ở miền Nam rằng: về mặt trận quân sự, thì các chiến sĩ dùng súng đạn mà chống quân thù. về mặt chính trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức lực như một viên đạn"

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.145.)

- A. Đoạn tư liệu trên đề cập đến ngày Tổng tuyển cử là ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Tổng tuyển cử không chỉ là quyền dân chủ mà còn là hình thức đấu tranh chính trị có vai trò quyết định để chống lại kẻ thù.
- C. Lá phiếu trong Tổng tuyển cử có sức mạnh chính trị tương đương với sức mạnh quân sự trên chiến trường.
- D. Trong đấu tranh giành độc lập cần phải kết hợp bạo lực cách mạng và sức mạnh chính trị, khẳng định quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng quốc gia.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau:

"Nhu vậy, cuộc Tổng tuyển cử và kỳ họp thứ nhất của Quốc hội vừa thể hiện thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân vừa chứng tỏ bộ máy nhà nước ở Trung ương đã được củng cố và hoàn thiện thêm. Nhà nước thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của mình để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ khó khăn nhất của đất nước."

(Nguyễn Văn Thuật (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 11, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, Tr.85)

- A. Nội dung đoạn tư liệu trên đã thể hiện tiến trình của cuộc Tổng tuyển cử và kỳ họp thứ nhất của Quốc hội ở nước ta sau cách mạng.
- B. Sự kiện này khẳng định nhà nước đã hoàn thiện hơn về tổ chức, đủ khả năng thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại.
- C. Việc củng cố bộ máy nhà nước giúp giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ trong giai đoạn khó khăn của đất nước sau cách mạng.

D. Sức mạnh đoàn kết toàn dân và tổ chức bộ máy nhà nước vững mạnh là nền tảng quan trọng để vượt qua thách thức lịch sử và phát triển đất nước bền vững.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Nhờ được chi viện nhanh chóng, hiệu quả, kịp thời của miền Bắc, lực lượng vũ trang miền Nam đã phát triển nhanh chóng về số lượng, quy mô tổ chức, trang bị và trình độ chiến đấu. Đến năm 1964, quân đội ta đã xây dựng được ở miền Nam hai khối chủ lực cơ động cấp Trung đoàn. Cùng với lực lượng tại chỗ, thế trận chiến tranh nhân dân đã được hình thành rộng khắp ở miền Nam góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.”

(Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 12, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2014, Tr.421)

- A. Nội dung đoạn tư liệu trên đề cập đến ý nghĩa to lớn của hậu phương miền Bắc chi viện cho miền Nam.
- B. Sự chi viện của miền Bắc đóng vai trò quyết định đến những thắng lợi quân sự của cách mạng ở miền Nam.
- C. Đến năm 1964, quân đội miền Nam đã trở thành quân đội tin cậy và hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á.
- D. Thế trận “Chiến tranh nhân dân” ở miền Nam đã góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh và giải phóng trong thời gian ngắn nhất,...không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc.”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb.

Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000-2001. Tr.95-96)

- A. Bộ Chính trị quyết định thực hiện Tổng khởi nghĩa giành chính quyền để giải phóng đất nước.
- B. Quyết định nhấn mạnh phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ” và tấn công khi địch đang hoang mang, suy sụp.
- C. Tập trung lực lượng lớn vào các mục tiêu duy nhất để tiêu diệt hoàn toàn lực lượng địch, tạo ưu thế tuyệt đối trên chiến trường.
- D. Chiến lược hành động nhanh chóng và bất ngờ nhằm tận dụng thời cơ chiến lược, đảm bảo giải phóng đất nước trong thời gian ngắn nhất.

Câu 6. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Với thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam đã bảo vệ được chủ quyền dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ, tạo điều kiện để tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đồng thời, Việt Nam cũng làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Campuchia và nhân dân Lào, tích cực góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình ở Đông Dương và Đông Nam Á.”

(Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 14, Nxb Khoa học xã hội, năm 2017, Tr.358)

- A. Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc giúp Việt Nam giữ vững được quyền chủ động trên chiến trường.
- B. Thắng lợi này tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- C. Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ quốc tế với Campuchia và Lào, đồng thời góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình trong khu vực Đông Nam Á.
- D. Thắng lợi trong việc bảo vệ Tổ quốc đã củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định khu vực trong bối cảnh địa chính trị phức tạp.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Theo yêu cầu của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Campuchia, Việt Nam để lại một lực lượng quân tình nguyện và cử chuyên gia các ngành sang giúp nhân dân Campuchia ổn định cuộc sống. Quân đội Việt Nam phối hợp với lực lượng vũ trang của Cộng hòa Nhân dân Campuchia truy quét tàn quân Pôn Pốt...”

(Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 14, Nxb Khoa học xã hội, năm 2017, Tr.350)

- A. Việt Nam đã để lại lực lượng quân tình nguyện và chuyên gia ở Campuchia theo yêu cầu của Liên hợp quốc.
- B. Sự hỗ trợ này nhằm giúp Campuchia ổn định cuộc sống và đối phó với tàn quân Pôn Pốt.
- C. Việc phối hợp giữa quân đội Việt Nam và lực lượng vũ trang Campuchia góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ở khu vực Đông Nam Á.
- D. Hoạt động hỗ trợ Campuchia của Việt Nam không chỉ thể hiện tinh thần quốc tế cao cả mà còn góp phần củng cố tình hữu nghị, hợp tác giữa hai nước.

Câu 8. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Con đường phát triển hợp quy luật đã giúp Việt Nam giảm nhanh được tình trạng nghèo đói, bước đầu xây dựng nền kinh tế công nghiệp hóa, đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi đôi với sự công bằng tương đối trong xã hội. Nét nổi bật của Việt Nam là từ một nước trì trệ, nghèo nàn,... đến năm 2000, đã trở thành một nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực, từng bước xác lập được vai trò và vị thế của mình trong hội nhập khu vực và quốc tế.”

(Nguyễn Ngọc Mão (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 15, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, Tr.422)

- A. Từ sau năm 1986, Việt Nam đã phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu kinh tế - xã hội.

- B. Những thành tựu này đã giúp Việt Nam giảm nghèo, xây dựng nền kinh tế công nghiệp hóa, tăng trưởng kinh tế cao và đảm bảo công bằng xã hội.
- C. Nhờ phát triển hợp quy luật, Việt Nam dần trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất khu vực Đông Nam Á.
- D. Con đường phát triển hợp quy luật đã giúp Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng và tạo nền tảng vững chắc cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đã đứng vững mà còn vươn lên đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII* (1996), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, Tr.67-68)

- A. Sau 10 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, Việt Nam đã vượt qua giai đoạn thử thách khó khăn.
- B. Mặc dù đối mặt với hoàn cảnh phức tạp, khó khăn, Việt Nam không chỉ đứng vững mà còn đạt được những thắng lợi nổi bật ở tất cả các lĩnh vực.
- C. Đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, nhưng xã hội vẫn chưa ổn định hoàn toàn, cho thấy hiệu quả của đường lối đổi mới chưa cao.
- D. Thành tựu sau 10 năm đổi mới đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới toàn diện, đồng thời đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.